

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty thành viên của *JPA International*  
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Trụ sở văn phòng : 156-158 Phó Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM  
Tel : +84 (28) 3999 00 91-97 Fax : +84 (28) 3999 00 90  
Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com) Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP – NHỰA VĨNH KHÁNH**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 36
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	37

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tên giao dịch là: VINH KHANH CABLE - PLASTIC CORPORATION; tên viết tắt là: VCOM) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Vĩnh Khánh (Công ty TNHH Vĩnh Khánh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05 tháng 12 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp). Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2003, trong quá trình hoạt động đã đăng ký thay đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3700510650, và đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 24 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 20 vào ngày 07 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, về việc thay đổi thông tin địa chỉ email và địa chỉ trang web của Công ty.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : VKC  
Vốn điều lệ : 200.000.000.000 đồng.

### 2. Trụ sở hoạt động

#### • Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.  
Điện thoại : +84 (274) 3751 501  
Fax : +84 (274) 3751 699  
Mã số thuế : 3 7 0 0 5 1 0 6 5 0

#### • Chi nhánh, văn phòng đại diện

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện	Địa chỉ
- Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
- Chi nhánh quận 8	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
- Chi nhánh Tp. HCM	42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
- Văn phòng đại diện	Số 111D Lý Chính Thắng, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

### 3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, ống nhựa các loại;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết: Sản xuất điện thoại, thiết bị điện thoại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Bán buôn ống nhựa và phụ kiện các loại, ống gang và phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Bán buôn bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp)).
- Sản xuất đồ điện gia dụng (chi tiết: Sản xuất quạt điện, mô tơ các loại);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (chi tiết: Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế).

#### 4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

##### 4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch	28/04/2014	
Ông Phạm Linh	Thành viên	28/04/2014	
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên	28/04/2014	26/06/2018
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên	26/11/2016	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	26/11/2016	
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	26/06/2018	

##### 4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Minh Chi	Trưởng ban	28/04/2014	
Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên	28/04/2014	
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	28/04/2014	26/06/2018
Ông Lê Thanh Duy	Thành viên	26/06/2018	

#### 4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Thiên Chương	Tổng Giám đốc	03/07/2018	
Ông Lâm Quy Chương	Tổng Giám đốc	29/03/2017	03/07/2018
Ông Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	29/03/2017	
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Phó Tổng Giám đốc	08/05/2014	3/03/2018
Ông Nguyễn Văn Khoa	Giám đốc Tài chính	08/01/2019	
Ông Dương Minh Hòa	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	28/12/2015	08/01/2019
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng	01/03/2019	

#### 5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm này là ông Lâm Quy Chương – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

#### 6 Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 37.

#### 7 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

- Ngày 25/02/2019, Hội đồng quản trị thông qua phương án tái cấu trúc Công ty theo mô hình tập đoàn. Theo đó, dự kiến sẽ thành lập 03 công ty con: Công ty CP Lốp xe Vĩnh Khánh (chiếm tỷ lệ góp vốn là 99%, đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315508598 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 31/01/2019; vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng), Công ty CP Cấp Vĩnh Khánh (chiếm tỷ lệ góp vốn là 99%), Công ty CP Đầu tư Phát triển Vĩnh Khánh (chiếm tỷ lệ góp vốn là 99%).
- Ngày 08/01/2019, ông Dương Minh Hòa thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc tài chính và được thay thế bởi ông Nguyễn Văn Khoa.
- Ngày 22/02/2019, Công ty đã gửi công bố đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc hoàn tất mua lại 721.000 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết HĐQT số 294/NQ/VCOM/NSU/18 ngày 28/12/2018.

#### 8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

#### 9 Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**TM. Hội đồng Quản trị**



**LÂM QUÝ CHƯƠNG – Chủ tịch HĐQT**

*Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2019.*

Số: 2153/19/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP – NHỰA VĨNH KHÁNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019 (từ trang 08 đến trang 37), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



**Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0967-2018-071-1  
Chữ ký được ủy quyền



**Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2817-2014-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>452.523.969.890</b>	<b>471.418.662.352</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	40.623.417.165	157.294.256.423
111	1. Tiền		40.623.417.165	95.391.025.904
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	61.903.230.519
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>27.344.430.036</b>	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	27.344.430.036	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>172.764.028.354</b>	<b>186.070.939.407</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3a	119.944.484.108	142.669.552.266
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	33.330.983.275	24.965.463.473
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5a	15.000.000.000	15.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	5.630.977.313	4.776.922.083
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(1.142.416.342)	(1.340.998.415)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.8	<b>200.863.747.446</b>	<b>122.966.054.752</b>
141	1. Hàng tồn kho		206.734.694.357	137.250.233.980
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(5.870.946.911)	(14.284.179.228)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.928.346.889</b>	<b>5.087.411.770</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	70.301.542
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10.928.346.889	4.742.191.863
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	-	274.918.365
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>189.242.361.968</b>	<b>186.836.357.229</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		<b>6.202.136.648</b>	<b>381.928.829</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.3b	6.202.136.648	-
216	2. Phải thu dài hạn khác		-	381.928.829
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>139.517.637.549</b>	<b>179.439.974.419</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	122.309.160.921	158.995.028.196
222	- Nguyên giá		308.762.045.879	350.183.770.987
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(186.452.884.958)	(191.188.742.791)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	-	1.904.839.688
225	- Nguyên giá		-	2.431.710.240
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(526.870.552)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	17.208.476.628	18.540.106.535
228	- Nguyên giá		19.917.950.483	22.897.402.879
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.709.473.855)	(4.357.296.344)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>36.000.000.000</b>	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.12	36.000.000.000	-
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.522.587.771</b>	<b>7.014.453.981</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	7.522.587.771	7.014.453.981
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>641.766.331.858</b>	<b>658.255.019.581</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP-NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>409.282.286.508</b>	<b>417.420.223.228</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>405.940.466.508</b>	<b>414.578.723.228</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	116.850.196.741	125.486.910.322
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	2.262.684.219	388.697.031
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	1.651.691.288	277.780.389
314	4. Phải trả người lao động		2.421.424.610	2.919.956.639
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	812.352.899	678.111.733
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	11.553.990.022	1.552.857.410
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	267.901.964.696	278.165.796.496
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	2.486.162.033	5.108.613.208
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.341.820.000</b>	<b>2.841.500.000</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
337	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	3.341.820.000	2.841.500.000
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>232.484.045.350</b>	<b>240.834.796.353</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.21	<b>232.484.045.350</b>	<b>240.834.796.353</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.384.120.000	11.384.120.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		13.300.417.851	12.888.352.026
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.799.507.499	16.562.324.327
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.738.192.677	8.321.007.825
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2.061.314.822	8.241.316.502
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>641.766.331.858</b>	<b>658.255.019.581</b>

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Người đại diện pháp luật)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Phú Thái

  
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

  
LÂM QUÝ CHƯƠNG

**KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	895.239.595.174	1.097.639.037.081
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		74.140.055	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		895.165.455.119	1.097.639.037.081
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	849.247.453.322	1.028.583.987.643
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.918.001.797	69.055.049.438
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3.373.431.293	5.670.206.822
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	19.411.007.800	19.127.533.428
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		18.654.410.059	18.167.305.279
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	23.540.882.051	22.080.911.308
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	19.021.360.951	22.008.413.164
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.681.817.712)	11.508.398.360
31	11. Thu nhập khác	VI.7	17.342.318.345	432.857.057
32	12. Chi phí khác	VI.8	19.741.529	364.295.231
40	13. Lợi nhuận khác		17.322.576.816	68.561.826
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.640.759.104	11.576.960.186
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.9	2.579.444.282	2.783.717.456
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	551.926.228
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.061.314.822	8.241.316.502
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	98	391
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	98	391

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2019.

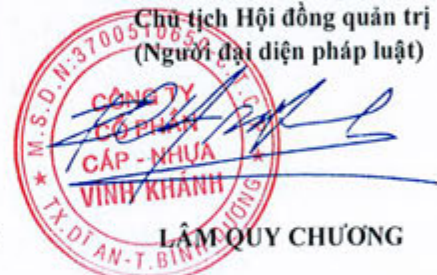
Người lập biểu

  
Nguyễn Phú Thái

Kế toán trưởng

  
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
(Người đại diện pháp luật)

  
LÂM QUÝ CHƯƠNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.640.759.104	11.576.960.186
	2. Điều chỉnh cho các khoản		6.926.979.765	41.126.427.448
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	VI.12	22.964.095.990	21.850.366.336
03	- Các khoản dự phòng		(8.611.814.390)	5.272.686.792
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		86.651.016	(649.926.813)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(26.166.362.910)	(3.514.004.146)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	18.654.410.059	18.167.305.279
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.567.738.869	52.703.387.634
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.774.048.646	(63.403.718.403)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(69.484.460.377)	31.803.155.730
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(7.189.388.791)	(1.034.887.590)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(437.832.248)	(1.249.385.458)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(18.594.168.893)	(18.149.021.645)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.16	(1.202.270.402)	(10.915.593.722)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		55.000.000	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.089.517.000)	(2.733.249.042)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(86.600.850.196)	(12.979.312.496)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(16.553.437.702)	(59.064.808.088)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		20.561.192.229	4.129.976.759
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(42.789.012.371)	(15.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		15.444.582.335	25.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	3.116.849.263	3.364.361.506
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(20.219.826.246)	(41.570.469.823)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	773.270.253.443	711.711.029.045
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(782.236.311.996)	(696.128.209.147)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(797.453.247)	(869.949.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(28.875.075.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.763.511.800)	(14.162.204.702)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(116.584.188.242)	(68.711.987.021)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	157.294.256.423	226.018.102.803
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(86.651.016)	(11.859.359)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	40.623.417.165	157.294.256.423

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Nguyễn Phú Thái*  
NGUYỄN PHÚ THÁI

*Nguyễn Thị Thúy Hằng*  
NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
(Người đại diện pháp luật)  
LÂM QUÝ CHƯƠNG

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sảm lốp xe, các sản phẩm bằng cao su. Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa các loại, nhựa PVC, PE;
- Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;
- Mua bán lốp xe, phụ tùng xe;
- Mua bán thủy hải sản, quạt điện, bình điện, điện gia dụng, hàng trang trí nội thất, mô - tơ các loại, máy móc thiết bị dùng cho ngành điện, sắt thép, khung nhôm, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Mua bán dây dẫn điện, cáp viễn thông, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại, thiết bị điện thoại, máy móc thiết bị dùng cho ngành viễn thông, các sản phẩm bằng cao su, nhựa các loại, nhựa PVC, PE, lò hơi thiết bị y tế, các loại giấy dùng trong tôn giáo, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tể bện, ống gang, phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kết quả kinh doanh sau thuế năm nay của Công ty giảm 25% so với năm trước chủ yếu là quy mô sản xuất, bán hàng bị giảm do công ty cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh. Công ty đang thực hiện tái cấu trúc Công ty theo hướng chuyên môn hóa theo ngành, giữ lại những ngành hàng tiềm năng như cáp đồng, cáp mạng Lan...và hoạt động thương mại vô xe, mở rộng thương mại dây cáp điện có thương hiệu trong nước như Cadivi. Chuyên nhượng, góp vốn liên doanh đối với hoạt động không còn tiềm năng (nhựa, cáp quang...). Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự cạnh tranh lớn về giá.

#### 6. Cấu trúc Công ty

*Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.*

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
2. Chi nhánh Tp.HCM	42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp.HCM.
3. Chi nhánh quận 8 – Tp. HCM	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
4. Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
5. Văn phòng đại diện	Số 111D Lý Chính Thắng, quận 3, Tp.HCM.

## **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 157 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 207 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Nhật ký chung (trên máy vi tính).

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và tương đương tiền**

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **3. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

11/01/2019  
11/01/2019  
11/01/2019  
11/01/2019  
11/01/2019

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### **Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 40 năm.

### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06

### **7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính là 25 năm.

#### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 10. Cơ sở tính và trích lương

Công ty tính lương căn cứ vào Hợp đồng lao động với người lao động, trả lương theo thời gian.

Bộ phận văn phòng: công ty trả lương theo thời gian.

Bộ phận nhân công các xí nghiệp sản xuất: công ty trả lương theo thời gian.

### 11. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu bán hàng hóa (vô xe, ống nhựa), bán thành phẩm (cáp viễn thông)**

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
  - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
  - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
  - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng)**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

**15. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

**16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

**17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

7.  
3.  
4.  
A  
V  
K  
/.  
T  
A  
H  
A  
N

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **18. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP ngoại Thương Việt Nam, tỷ giá 23.190 VNĐ/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP ngoại Thương Việt Nam, tỷ giá 23.265 VNĐ/USD.

## **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	338.118.418	651.383.888
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.285.298.747	94.739.642.016
Các khoản tương đương tiền	-	61.903.230.519
<b>Cộng</b>	<b><u>40.623.417.165</u></b>	<b><u>157.294.256.423</u></b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là các khoản tiền tiết kiệm có thời gian đáo hạn trên 03 tháng kể từ ngày 31/12/2018. Trong đó: giá trị tiền gửi tiết kiệm dùng để thế chấp cho các khoản vay là 18.500.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.19).

**3. Phải thu ngắn hạn và dài hạn của khách hàng**

**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Là khoản phải thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>119.944.484.108</b>	<b>142.669.552.266</b>
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức	14.467.860.602	34.513.755.673
- Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng	5.521.773.926	13.703.207.406
- Công ty TNHH TM DV Thiên Thanh Thảo	4.112.499.341	2.453.886.250
- Công ty CP Viễn thông FPT	2.613.506.500	3.942.123.625
- Trung tâm Cung ứng Vật tư – Viễn thông Tp. Hồ Chí Minh	2.287.279.148	2.372.865.330
- Các khách hàng khác	90.941.564.591	85.683.713.982
<b>Cộng (*)</b>	<b><u>119.944.484.108</u></b>	<b><u>142.669.552.266</u></b>

(\*) Toàn bộ các khoản nợ phải thu luân chuyển cuối năm được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn được trình bày ở thuyết minh số V.19.

**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

Là khoản phải thu về tiền ban tài sản cố định cho Công ty TNHH TM DV VQĐ. Thời hạn thu hồi nợ trong vòng 45 tháng kể từ tháng 5 năm 2018.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<b>33.330.983.275</b>	<b>24.965.463.473</b>
- Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng <sup>(1)</sup>	9.883.735.864	11.250.470.000
- Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Luxhouse <sup>(2)</sup>	8.700.000.000	-
- Công ty CP TM DV XD BĐS Mết Vương Vàng <sup>(3)</sup>	6.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên <sup>(4)</sup>	4.169.485.132	5.169.485.132
- Các người bán khác	4.577.762.279	8.545.508.341
<b>Cộng</b>	<b><u>33.330.983.275</u></b>	<b><u>24.965.463.473</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

<sup>(1)</sup> Là khoản trả tiền trước cho Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng để mua hạt nhựa theo Hợp đồng số 441/VK-AK-2017 ngày 11/12/2017 và số 442/VK-AK-2017 ngày 12/12/2017. Thời gian giao hàng trong vòng 06 tháng theo từng đơn đặt hàng.

<sup>(2)</sup> Là khoản trả tiền trước để tư vấn hồ sơ, thủ tục pháp lý theo Hợp đồng số 261A/2018/HDDVTV ngày 03/11/2018. Thời gian hợp đồng: khi công việc tư vấn bán đất hoàn thành.

<sup>(3)</sup> Là khoản trả tiền trước để mua đất để làm nhà kho chứa vỏ xe (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 066082, thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17 và số BE 722716, thửa đất số 209, tờ bản đồ số 17, tại ấp 6, xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An) theo Hợp đồng mua đất ngày 05/07/2018. Thời hạn hợp đồng: trong vòng 360 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

<sup>(4)</sup> Là khoản trả tiền trước để mua vỏ xe theo Hợp đồng số 160/VK-TK-2018 ngày 02/06/2018. Thời gian giao hàng trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên khác</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên <sup>(1)</sup>	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức <sup>(2)</sup>	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản cho vay theo HĐ tín dụng số 04/VK-TK/16 ngày 10/10/2016, kỳ hạn 06 tháng, được gia hạn thời gian cho vay theo hợp đồng vay số 1.2/VK-QĐ/18 ngày 01/01/2018 (được tái tục cho 06 tháng tiếp theo nếu chưa thu hồi được nợ gốc), lãi suất 6%/năm.

<sup>(2)</sup> Là khoản cho vay theo HĐ tín dụng số 01/VK-QĐ/16 ngày 20/06/2016, kỳ hạn 06 tháng, được gia hạn thời gian cho vay theo hợp đồng vay số 1.1/VK-QĐ/18 ngày 01/01/2018 (được tái tục cho vay 06 tháng tiếp theo nếu chưa thu hồi được nợ gốc), lãi suất 6%/năm.

**6. Phải thu ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>5.630.977.313</b>	-	<b>4.776.922.083</b>	-
- Tạm ứng cho nhân viên	2.357.034.888	-	2.130.910.975	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.955.192.425	-	2.234.761.108	-
- Phải thu khác	1.318.750.000	-	411.250.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.630.977.313</b>	-	<b>4.776.922.083</b>	-

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.340.998.415)	(5.398.736.149)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(542.769.573)
Hoàn nhập dự phòng	198.582.073	153.929.463
Xóa nợ đã trích lập dự phòng	-	4.446.577.844
<b>Số cuối năm</b>	<b>(1.142.416.342)</b>	<b>(1.340.998.415)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Nợ xấu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan	-	-	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác		<b>1.932.440.686</b>	<b>790.024.343</b>		<b>4.536.449.087</b>	<b>3.195.450.672</b>
- Công ty TNHH Vĩnh Khanh	Trên 1 năm, dưới 2 năm	1.092.039.033	546.019.516	Trên 6 tháng, dưới 1 năm	3.867.772.883	2.707.441.018
- Công ty Đồ gỗ Mộc Dương Gia	Trên 1 năm, dưới 2 năm	488.009.654	244.004.827	Trên 6 tháng, dưới 1 năm	488.009.654	488.009.654
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	352.391.999	-	Trên 3 năm	180.666.550	-
<b>Cộng</b>		<b>1.932.440.686</b>	<b>790.024.343</b>		<b>4.536.449.087</b>	<b>3.195.450.672</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	25.403.279.091	(116.362.074)	28.209.915.300	(5.671.941.941)
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.639.135.898	-	5.512.091.508	-
- Thành phẩm	29.827.760.126	(3.024.356.108)	41.973.798.887	(8.355.225.016)
- Hàng hóa	147.864.519.242	(2.730.228.729)	61.554.428.285	(257.012.271)
<b>Cộng (*)</b>	<b>206.734.694.357</b>	<b>(5.870.946.911)</b>	<b>137.250.233.980</b>	<b>(14.284.179.228)</b>

(\*) Toàn bộ giá trị hàng tồn kho luân chuyển cuối năm bao gồm nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh V.19).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
-Số đầu năm	76.740.553.307	252.031.235.674	15.207.724.983	5.621.871.869	582.385.154	350.183.770.987
-Mua trong kỳ	-	6.610.522.010	1.871.818.182	-	-	8.482.340.192
-Đầu tư XDCB hoàn thành	6.789.650.817	-	-	-	-	6.789.650.817
-Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính sang	-	2.431.710.240	-	-	-	2.431.710.240
-Thanh lý	(15.562.952.957)	(3.487.055.413)	(2.330.132.719)	-	-	(21.380.141.089)
- Đem đi góp vốn		(36.421.640.489)		(1.323.644.779)		(37.745.285.268)
<b>Số cuối năm</b>	<b>67.967.251.167</b>	<b>221.164.772.022</b>	<b>14.749.410.446</b>	<b>4.298.227.090</b>	<b>582.385.154</b>	<b>308.762.045.879</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
-Số đầu năm	13.220.799.479	167.113.660.015	8.848.585.348	1.706.416.682	299.281.267	191.188.742.791
-Khấu hao trong năm	3.962.951.687	15.530.620.094	1.521.222.230	730.998.828	97.064.190	21.842.857.029
-Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính sang	-	740.525.320	-	-	-	740.525.320
-Thanh lý	(1.941.825.314)	(7.772.128.401)	(823.088.287)	-	-	(10.537.042.002)
- Đem đi góp vốn		(16.359.367.216)		(422.830.964)		(16.782.198.180)
<b>Số cuối năm</b>	<b>15.241.925.852</b>	<b>159.253.309.812</b>	<b>9.546.719.291</b>	<b>2.014.584.546</b>	<b>396.345.457</b>	<b>186.452.884.958</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	63.519.753.828	84.917.575.659	6.359.139.635	3.915.455.187	283.103.887	158.995.028.196
<b>Số cuối năm</b>	<b>52.725.325.315</b>	<b>61.911.462.210</b>	<b>5.202.691.155</b>	<b>2.283.642.544</b>	<b>186.039.697</b>	<b>122.309.160.921</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 89.521.317.258 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 33.200.974.063 đồng (xem tại thuyết minh V.19).

**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
-Số đầu năm	2.431.710.240	2.431.710.240
-Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(2.431.710.240)	(2.431.710.240)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
-Số đầu năm	526.870.552	526.870.552
-Khấu hao trong năm	213.654.768	213.654.768
-Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(740.525.320)	(740.525.320)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	1.904.839.688	1.904.839.688
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất <sup>(*)</sup>	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
-Số đầu năm	22.428.429.473	468.973.406	22.897.402.879
-Mua trong năm	1.281.446.700	-	1.281.446.700
-Thanh lý	(4.260.899.096)	-	(4.260.899.096)
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.448.977.077</b>	<b>468.973.406</b>	<b>19.917.950.483</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
-Số đầu năm	3.969.840.139	387.456.205	4.357.296.344
-Khấu hao trong năm	896.066.991	11.517.202	907.584.193
-Thanh lý	(2.555.406.682)	-	(2.555.406.682)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.310.500.448</b>	<b>398.973.407</b>	<b>2.709.473.855</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	18.458.589.334	81.517.201	18.540.106.535
<b>Số cuối năm</b>	<b>17.138.476.629</b>	<b>69.999.999</b>	<b>17.208.476.628</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 280.835.906 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 1.117.163.516 đồng (xem tại thuyết minh V.19).

Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 387309, thửa số 4701, thuộc tờ bản đồ số 5 (2AB.9). Thời hạn sử dụng đến 6/8/2023.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 179285, 1 phần thửa số 2922, tờ bản đồ số 2ba8. Thời hạn sử dụng đến 8/10/2053.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 527855, thửa số 02. Thời hạn sử dụng đất đến 5/12/2045.

**12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	-	-	-	-
Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng <sup>(*)</sup>	36.000.000.000	36.000.000.000	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	-	-	-	-

<sup>(\*)</sup> Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Khang Gia Hưng (được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 8/3/2017; vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng), Công ty đã góp đủ phần vốn góp 36.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Khang Gia Hưng. Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng hoạt động sản xuất kinh doanh và thương mại các sản phẩm nhựa, cấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí thuê đất	1.815.462.596	1.863.237.932
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, các chi phí khác	5.707.125.175	5.151.216.049
<b>Cộng (*)</b>	<b><u>7.522.587.771</u></b>	<b><u>7.014.453.981</u></b>

(\*) Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	7.014.453.981	5.835.370.065
Phát sinh trong năm	4.416.133.595	5.353.146.580
Phân bổ trong năm	(3.907.999.805)	(4.174.062.664)
<b>Cộng</b>	<b><u>7.522.587.771</u></b>	<b><u>7.014.453.981</u></b>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải trả cho các người bán khác</i>	<b>116.850.196.741</b>	<b>116.850.196.741</b>	<b>125.486.910.322</b>	<b>125.486.910.322</b>
- Công ty TNHH CN Cao Su Chính Tân Việt Nam	89.458.626.856	89.458.626.856	105.279.956.100	105.279.956.100
- Maxxis International (Thailand) Co.,Ltd	18.304.163.716	18.304.163.716	9.347.941	9.347.941
- Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	3.343.021.000	3.343.021.000	3.579.796.000	3.579.796.000
- Các người bán khác	5.744.385.169	5.744.385.169	16.617.810.281	16.617.810.281
<b>Cộng</b>	<b><u>116.850.196.741</u></b>	<b><u>116.850.196.741</u></b>	<b><u>125.486.910.322</u></b>	<b><u>125.486.910.322</u></b>

Trong đó nợ phải trả quá hạn: 0 đồng.

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả tiền trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả tiền trước của các người mua khác</i>	<b>2.262.684.219</b>	<b>388.697.031</b>
- Công ty CP Cơ điện CDME	1.867.340.882	-
- Các người mua khác	395.343.337	388.697.031
<b>Cộng</b>	<b><u>2.262.684.219</u></b>	<b><u>388.697.031</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	-	-	-	-	-	-
- Thuế GTGT nhập khẩu	-	-	6.790.655.129	(6.790.655.129)	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	274.918.365	362.062.879	(53.768.520)	33.375.994	-
- Thuế TNDN	226.137.214	-	2.579.444.282	(1.202.270.402)	1.603.311.094	-
- Thuế TNCN	51.643.175	-	351.756.369	(388.395.344)	15.004.200	-
- Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>277.780.389</b>	<b>274.918.365</b>	<b>10.087.918.659</b>	<b>(8.439.089.395)</b>	<b>1.651.691.288</b>	<b>-</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

Thuế TNDN phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.640.759.104	11.576.960.186
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.245.110.297	2.341.627.092
+ Chi phí không được trừ	2.245.110.297	2.341.627.092
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.885.869.401	13.918.587.278
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.377.173.880	2.783.717.456
Thuế TNDN phải nộp truy thu của năm trước	1.202.270.402	-
<b>Tổng Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>2.579.444.282</b>	<b>2.783.717.456</b>

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Chi tiết gồm:

- Lãi vay phải trả
- Chi phí phải trả khác

**Cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lãi vay phải trả	586.352.899	526.111.733
- Chi phí phải trả khác	226.000.000	152.000.000
<b>Cộng</b>	<b>812.352.899</b>	<b>678.111.733</b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:

- Cổ tức phải trả
- Phải trả khác

**Cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ tức phải trả	11.439.115.400	1.439.115.400
- Phải trả khác	114.874.622	113.742.010
<b>Cộng</b>	<b>11.553.990.022</b>	<b>1.552.857.410</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn****19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<b>267.901.964.696</b>	<b>267.901.964.696</b>	<b>277.368.343.249</b>	<b>277.368.343.249</b>
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – CN Tp.HCM <sup>(1)</sup>	37.663.452.530	37.663.452.530	41.252.846.800	41.252.846.800
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sài Gòn <sup>(2)</sup>	16.714.946.275	16.714.946.275	17.617.315.896	17.617.315.896
- Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina – Chi nhánh Bình Dương <sup>(3)</sup>	-	-	5.924.653.900	5.924.653.900
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN KCN Bình Dương <sup>(4)</sup>	-	-	51.129.900.800	51.129.900.800
- Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP HCM <sup>(5)</sup>	57.638.780.881	57.638.780.881	41.562.191.888	41.562.191.888
- Malayan Banking Berhad – CN Tp.HCM	-	-	10.486.700.900	10.486.700.900
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Đồng Nai <sup>(6)</sup>	34.702.696.661	34.702.696.661	10.506.268.300	10.506.268.300
- Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM <sup>(7)</sup>	32.914.880.911	32.914.880.911	26.418.136.467	26.418.136.467
- Ngân hàng TMCP Phương Đông CN Tân Bình <sup>(8)</sup>	8.575.509.580	8.575.509.580	2.609.232.466	2.609.232.466
- Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi Nhánh 1 <sup>(9)</sup>	79.691.697.858	79.691.697.858	69.861.095.832	69.861.095.832
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	-	-	<b>797.453.247</b>	<b>797.453.247</b>
<b>Cộng</b>	<b>267.901.964.696</b>	<b>267.901.964.696</b>	<b>278.165.796.496</b>	<b>278.165.796.496</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng tín dụng số VNM 160366 ngày 09/05/2016 và các Thư gia hạn thời gian của hợp đồng này. Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Các khoản phải thu số VNM CDT 080221/MR, hàng hóa trong kho số VNM CDT 080221/MS và quyền sử dụng đất số VNM 101460/L (xem tại thuyết minh V.3, V.8).

<sup>(2)</sup> Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Sài Gòn, theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 0211.HDTD.VIB625.17 ngày 27/06/2017. Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Hợp đồng tiền gửi của Công ty VIB phát hành trị giá tối thiểu 13.500.000.000 đồng; Hàng tồn kho luân chuyển tối thiểu 93.000.000.000 đồng (xem tại thuyết minh V.2, V.8).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(5) Là khoản vay Ngân Hàng BPCE IOM (tên cũ là Ngân hàng Natixis) – Chi nhánh Tp. HCM, theo Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số FCA-000451-2018 ngày 24/9/2018. Hạn mức tín dụng: 2.500.000 USD. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho luân chuyển cuối năm (xem tại thuyết minh V.3, V.8).

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 872/2018/HĐTD/DNI/01 ngày 8/3/2018. Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Số lượng 3.035.602 chứng khoán thuộc sở hữu của ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch HĐQT).

(7) Là khoản vay Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 10220151214-01 ngày 14/12/2015. Hạn mức tín dụng: 1.500.000 USD. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Đảm bảo bởi bảo lãnh của cá nhân ông Lâm Quy Chương 1.500.000 USD; Hàng hóa tồn kho luân chuyển với giá trị 1.200.000 USD; Máy móc thiết bị giá trị tương đương 9,5 tỷ đồng (xem tại thuyết minh V.8, V.10).

(8) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) – CN Tân Bình, theo Hợp đồng cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 224/2017/HĐTDHM ngày 20/10/2017. Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Số tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi của Công ty do Ngân hàng OCB, với giá trị là 5.000.000.000 đồng (xem tại thuyết minh V.2).

(9) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN 1 Tp. HCM, theo Hợp đồng cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 088/2018- HĐCVHM/NHCT902-VCOM ngày 28/09/2018. Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 9183, tờ bản đồ số 4 (2BA.8), phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh (xem tại thuyết minh V.11).

**19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</b>	<b>3.341.820.000</b>	<b>3.341.820.000</b>	<b>2.841.500.000</b>	<b>2.841.500.000</b>
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình <sup>(1)</sup>	1.923.500.000	1.923.500.000	2.841.500.000	2.841.500.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN quận 11 <sup>(2)</sup>	1.418.320.000	1.418.320.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.341.820.000</b>	<b>3.341.820.000</b>	<b>2.841.500.000</b>	<b>2.841.500.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(1) Là khoản vay Ngân Hàng TMCP Phương Đông - CN Tân Bình, hợp đồng hạn mức tín dụng số 89/2016/HĐTDHM ngày 29/03/2016 và số 100/2016/HĐTD-DN ngày 29/3/2016; Hạn mức: 20.000.000.000 đồng; mục đích: bổ sung vốn lưu động của công ty. Tài sản đảm bảo bao gồm: 3 dây chuyền sản xuất cấp phi 60; 2 dây chuyền sản xuất cấp phi 50; 2 máy đùn nhựa phi 60; dây chuyền sản xuất tấm form PVC; máy in tấm form PVC; Dây chuyền kéo bọc liên hoàn; 2 xe ô tô tải 3,5 tấn; Xe ô tô Subaru số 61A - 254.31; Xe ô tô tải Hino số 61C-149.79; Xe Nissan số 60C - 153.13 (xem tại thuyết minh V.10).

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN quận 11, hợp đồng cho vay số SME/Q11/18/0045/HĐTD ngày 29/10/2018. Số tiền vay: 1.480.000.000 đồng; mục đích vay: mua xe ô tô Volkswagen Sharan. Thời hạn vay: 48 tháng. Tài sản thế chấp: xe ô tô Volkswagen Sharan biển số 61A-531.43 (xem tại thuyết minh V.10).

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu kỳ	5.108.613.208	2.786.473.947
- Trích lập trong kỳ	412.065.825	4.019.114.261
- Tăng khác trong kỳ	55.000.000	-
- Sử dụng trong kỳ	(3.089.517.000)	(1.696.975.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.486.162.033</b>	<b>5.108.613.208</b>

**21. Vốn chủ sở hữu****21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết tình hình biến động vốn chủ sở hữu xem tại Phụ lục 01.

**21.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.000.000.000	30.000.000.000

**21.3. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**21.4. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối Lợi nhuận từ Kết quả kinh doanh năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCD/VCOM/2018 ngày 26/06/2018, chi tiết như sau:

Chi tiết gồm:	Số tiền
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	412.065.825
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	412.065.825
- Chia cổ tức (dự kiến chia cổ tức từ KQKD của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCD/VCOM/2018 ngày 26/06/2018 (*)	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.824.131.650</b>

(\*) Khoản cổ tức phải trả này chưa đăng ký ngày chốt quyền chi trả.

**22. Tài khoản ngoài bảng****Nợ khó đòi đã xóa**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Phát triển Đô thị Việt Nam	1.482.868.860	1.482.868.860
- Nhà đất Đạt Thịnh	943.928.940	943.928.940
- Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 15	770.283.296	770.283.296
- Các khách hàng khác	1.807.798.208	1.807.798.208
<b>Cộng</b>	<b>5.004.879.304</b>	<b>5.004.879.304</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thành phẩm	139.072.913.976	297.948.884.907
- Doanh thu hàng hóa	732.499.262.796	799.690.152.174
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	5.330.555.456	-
- Doanh thu bất động sản và tài sản gắn liền trên đất	18.336.862.946	-
<b>Cộng</b>	<b>895.239.595.174</b>	<b>1.097.639.037.081</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn thành phẩm	128.410.979.776	283.435.179.769
- Giá vốn hàng hóa	705.854.345.014	740.264.961.192
- Giá vốn hoạt động cho thuê mặt bằng	3.515.219.458	-
- Giá trị còn lại của bất động sản và tài sản gắn liền trên đất	12.191.569.994	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.473.216.458	4.883.846.682
- Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(10.886.448.775)	-
- Chi phí sản xuất vượt định mức	7.688.571.397	-
<b>Cộng</b>	<b>849.247.453.322</b>	<b>1.028.583.987.643</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi và tiền cho vay	3.116.849.263	4.624.702.506
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	211.291.850	1.045.504.316
- Khác	45.290.180	-
<b>Cộng</b>	<b>3.373.431.293</b>	<b>5.670.206.822</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay và thuê tài chính	18.654.410.059	18.167.305.279
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	756.597.741	960.228.149
<b>Cộng</b>	<b>19.411.007.800</b>	<b>19.127.533.428</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	10.240.879.858	9.832.107.831
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.885.695.123	978.411.669
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	11.414.307.070	11.270.391.808
<b>Cộng</b>	<b>23.540.882.051</b>	<b>22.080.911.308</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	5.644.012.692	6.640.231.678
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.012.103.352	867.066.836
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	388.840.110
- Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(198.582.073)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	12.563.826.980	14.112.274.540
<b>Cộng</b>	<b>19.021.360.951</b>	<b>22.008.413.164</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chênh lệch TSCĐ đem đi góp vốn	16.912.255.424	-
+ Định giá lại TSCĐ góp vốn	36.000.000.000	-
+ Giá trị còn lại của TSCĐ góp vốn	(19.087.744.576)	-
- Chênh lệch từ thanh lý TSCĐ	-	149.642.640
+ Thu từ thanh lý TSCĐ	-	3.535.411.334
+ Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	(3.385.768.694)
- Thu nhập khác	430.062.921	283.214.417
<b>Cộng</b>	<b>17.342.318.345</b>	<b>432.857.057</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chênh lệch từ thanh lý TSCĐ	8.034.729	-
+ Thu từ thanh lý TSCĐ	2.224.329.283	-
+ Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	(2.232.364.012)	-
- Chi phí khác	11.706.800	364.295.231
<b>Cộng</b>	<b>19.741.529</b>	<b>364.295.231</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VINH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.377.173.880	2.783.717.456
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	1.202.270.402	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.579.444.282</b>	<b>2.783.717.456</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.061.314.822	8.241.316.502
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(103.065.741)	(412.065.825)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.958.249.081	7.829.250.677
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cp)	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>98</b>	<b>391</b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm trước được trích bằng 5% Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2018 ngày 26/06/2018.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay được tạm trích bằng 5% Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2018 ngày 26/06/2018.

**11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.061.314.822	8.241.316.502
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(103.065.741)	(412.065.825)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.958.249.081	7.829.250.677
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cp)	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>98</b>	<b>391</b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm trước được trích bằng 5% Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2018 ngày 26/06/2018.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi Năm nay được tạm trích bằng 5% Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2018 ngày 26/06/2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.138.742.503	320.507.407.518
- Chi phí nhân công	23.140.578.108	25.536.592.010
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.964.095.990	21.850.366.336
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	32.323.879.891	25.651.704.383
<b>Cộng</b>	<b><u>204.567.296.492</u></b>	<b><u>393.546.070.247</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)****1. Tiền thu từ đi vay**

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	773.270.253.443	711.711.029.045
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>773.270.253.443</u></b>	<b><u>711.711.029.045</u></b>

**2. Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(782.236.311.996)	696.128.209.147
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(782.236.311.996)</u></b>	<b><u>696.128.209.147</u></b>

**VIII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)****1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

**2. Nợ tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ban Tổng Giám đốc)*

	Năm nay	Năm trước
Lương, thù lao	2.885.074.000	2.237.086.000
Cổ tức được nhận	-	8.011.095.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.885.074.000</u></b>	<b><u>10.248.181.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**4. Báo cáo bộ phận**

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Thành phẩm: bao gồm cấp.
- Hàng hóa: là vỏ xe, ống nhựa, cáp điện, tấm foarm, ống luồn dây điện, ....
- Cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng.

• **Năm nay**

Chỉ tiêu	Thành phẩm	Hàng hóa	Cho thuê mặt bằng	Bán bất động sản và các tài sản trên đất	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.072.913.976	732.425.122.741	5.330.555.456	18.336.862.946	895.165.455.119
- Giá vốn hàng bán	128.410.979.776	705.854.345.014	3.515.219.458	12.191.569.994	849.972.003.311
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2.473.216.458	-	-	2.473.216.458
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.886.448.775)	-	-	-	(10.886.448.775)
- Chi phí sản xuất vượt định mức	7.688.571.397	-	-	-	7.688.682.328
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>13.859.811.578</b>	<b>24.097.561.269</b>	<b>1.815.335.998</b>	<b>6.145.292.952</b>	<b>45.918.001.797</b>

• **Năm trước**

Chỉ tiêu	Thành phẩm	Hàng hóa	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	297.948.884.907	799.690.152.174	1.097.639.037.081
- Giá vốn hàng bán	288.062.014.180	740.521.973.463	1.028.583.987.643
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>9.886.870.727</b>	<b>59.168.178.711</b>	<b>69.055.049.438</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Khu vực địa lý**

## • Năm nay

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	859.452.610.579	35.712.844.540	895.165.455.119
- Giá vốn hàng bán	820.677.177.690	28.570.275.632	849.247.453.322
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>38.775.432.889</b>	<b>7.142.568.908</b>	<b>45.918.001.797</b>

## • Năm trước

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	997.250.153.746	100.388.883.335	1.097.639.037.081
- Giá vốn hàng bán	934.510.804.705	94.073.182.938	1.028.583.987.643
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>62.739.349.041</b>	<b>6.315.700.397</b>	<b>69.055.049.438</b>

**5. Tài sản đảm bảo***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty dùng các khoản tiền gửi tiết kiệm, các khoản nợ phải thu của khách hàng, các hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh V.19). Giá trị các tài sản tại ngày 31/12/2018 dùng để thế chấp là 379.497.316.044 đồng (xem tại thuyết minh V.2, V.3, V.8, V.9, V.11).

*Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**7. Số liệu so sánh**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán lại do quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ Kết quả kinh doanh sau thuế của năm trước có sự thay đổi (theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCD/VCOM/2018 ngày 26/06/2018) so với số tạm tính.

Chỉ tiêu	Mã số	Số năm trước	Số năm trước trình bày lại	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [2] - [1]
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	371	391	20
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	371	391	20

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

*Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương*

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018*

**8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

- Ngày 25/02/2019, Hội đồng quản trị thông qua phương án tái cấu trúc Công ty theo mô hình tập đoàn. Theo đó, dự kiến sẽ thành lập 03 công ty con: Công ty CP Lốp xe Vĩnh Khánh (chiếm tỷ lệ góp vốn là 99%, đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315508598 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 31/01/2019; vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng), Công ty CP Cáp Vĩnh Khánh (chiếm tỷ lệ góp vốn là 99%), Công ty CP Đầu tư Phát triển Vĩnh Khánh (chiếm tỷ lệ góp vốn là 99%).
- Ngày 08/01/2019, ông Dương Minh Hòa thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc tài chính và được thay thế bởi ông Nguyễn Văn Khoa.
- Ngày 22/02/2019, Công ty đã gửi công bố đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc hoàn tất mua lại 721.000 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết HĐQT số 294/NQ/VCOM/NSU/18 ngày 28/12/2018.

*Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2019.*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**(Người đại diện pháp luật)**

  
Nguyễn Phú Thái



**NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG**

  
**LÂM QUÝ CHƯƠNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP-NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Di An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
1. Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	11.384.120.000	13.924.626.068	42.340.122.086	267.648.868.154
2. Tăng trong năm trước	-	-	-	8.241.316.502	8.241.316.502
- Lãi trong kỳ	-	-	-	8.241.316.502	8.241.316.502
3. Giảm trong năm trước	-	-	(1.036.274.042)	(34.019.114.261)	(35.055.388.303)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(34.019.114.261)	(34.019.114.261)
- Giảm khác	-	-	(1.036.274.042)	-	(1.036.274.042)
4. Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	11.384.120.000	12.888.352.026	16.562.324.327	240.834.796.353
1. Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	11.384.120.000	12.888.352.026	16.562.324.327	240.834.796.353
2. Tăng trong năm nay	-	-	412.065.825	2.061.314.822	2.473.380.647
- Lãi trong năm	-	-	-	2.061.314.822	2.061.314.822
- Bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	412.065.825	-	412.065.825
3. Giảm trong năm nay	-	-	-	(10.824.131.650)	(10.824.131.650)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(412.065.825)	(412.065.825)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(412.065.825)	(412.065.825)
- Chia cổ tức (dự kiến chia cổ tức của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 156/NO/ĐHĐCD/VCOM/2018 ngày 26/06/2018	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
4. Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	11.384.120.000	13.300.417.851	7.799.507.499	232.484.045.350

Người lập biểu



Nguyễn Phú Thái

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2019.

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
 (Người đại diện pháp luật)